

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Đạt; Ông Vũ Văn Quảng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐHPTST-DS ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị M, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 52, đường T, khu M, thị trấn S, huyện N, tỉnh Hải Dương; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Kim T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 52, đường T, khu M, thị trấn S, huyện N, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt

- Người làm chứng: Chị Đặng Thị V, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 16, đường N, khu Q thị trấn S, huyện N, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đặng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 28/10/2000 tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống cùng nhau ở số 52, T, khu M, thị trấn S, huyện N, tỉnh Hải Dương và ở cùng với bố mẹ đẻ anh T. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời lêu lẹt, cờ bạc, dẫn đến nợ nần nhiều. Đặc biệt từ năm 2017 trở về đây thì anh T chơi bời, nợ nần nhiều hơn, chỉ vài tháng lại thấy có người đến báo nợ, các khoản nợ có khi lên đến hàng trăm triệu. Chị và gia đình nhiều lần khuyên bảo, động viên anh T nhưng anh T không thay đổi. Tháng 8/2019 mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng nên chị đã bỏ nhà về nhà chị gái ở, chị đã định làm thủ tục ly hôn với anh T, nhưng do mẹ anh T đến động viên, chị nghĩ đến các con, thương bố mẹ nên lại quay về chung sống cùng anh T, nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Chị và anh T mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng đã sống ly thân từ tháng 1/2020, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó lo. Đến nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh T được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Trần Tiến P, sinh ngày 25/3/2002 và Trần Quang A, sinh ngày 10/11/2007, hiện nay con chung Trần Tiến P đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung là Trần Quang A, chị đề nghị cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Trần Tiến P trình bày: Hiện nay cháu đã đủ 18 tuổi nên đã đủ tuổi trưởng thành theo pháp luật nên đề nghị Tòa án khi giải quyết việc ly hôn giữa bố mẹ cháu không phải xem xét giao cháu cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng.

Cháu Trần Quang A trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu muốn được ở với mẹ là Đặng Thị M.

Người làm chứng :

Bà bà Hoàng Thị H (mẹ đẻ chị M), chị Đặng Thị V (chị gái chị M) trình bày: Sau khi chị M, anh T kết hôn chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần nhiều. Chị M và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Bà và chị không chứng kiến việc vợ chồng chị M đánh cãi nhau nhưng mỗi khi vợ chồng anh chị ấy có mâu thuẫn thì chị M lại tâm sự với bà H, chị V. Bà và chị đã nhiều lần khuyên bảo động viên chị M và anh T nhưng do anh T không

sửa đổi được nên vợ chồng chị M vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng M vẫn ở chung nhà nhưng sống ly thân khoảng 1 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Về con chung: Vợ chồng chị M, anh T có 2 con chung là Trần Tiến P, sinh năm 2002 và Trần Quang A, sinh năm 2007. Cháu P đã đủ 18 tuổi không có nhược điểm về thể chất, tinh thần. Đối với cháu A, nếu vợ chồng chị M ly hôn thì đề nghị giải quyết về con chung theo quan điểm nguyện vọng của anh chị ấy và các cháu.

Theo tài liệu xác minh tại UBND thị trấn S, Trường khu, Chi hội trưởng chi hội phụ nữ khu M: Anh T hiện đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương. Về mâu thuẫn của chị M, anh T UBND thị trấn S và khu dân cư không rõ vì chưa nhận được đề nghị của gia đình yêu cầu hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Nhưng theo chị M trình bày do vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng nhiều năm nay, không thể khắc phục được mâu thuẫn nên chị M làm đơn xin ly hôn anh T.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị M giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T vì xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung: đề nghị giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Quang A, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là Trần Tiến P đã đủ tuổi trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị M ly hôn anh T; Về con chung: giao con chung Trần Quang A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Kim T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị M, anh Trần Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/10/2000 tại UBND thị trấn S, N, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị M trình bày: quá trình anh chị chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T chơi bời lêu đẽ, cờ bạc, dẫn đến nợ nần nhiều, chị và gia đình nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh T không thay đổi, anh chị đã ly thân từ tháng 1/2020. Xét lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với tài liệu xác minh tại UBND thị trấn S, Trường khu và Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ khu M. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để trình bày quan điểm và tham gia phiên hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt chứng tỏ anh T có thái độ bỏ mặc, không mong muốn hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh T. Nên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị M, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị M ly hôn anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị M, anh T có 02 con chung là Trần Tiến P, sinh ngày 25/3/2002 và Trần Quang A, sinh ngày 10/11/2007. Đối với con chung là Trần Tiến P đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên đương sự không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung là Trần Quang A, chị M đề nghị cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy tại biên bản ghi lời cháu Trần Quang A (BL 46) trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ, anh T không thể hiện quan điểm về con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M giao con chung là Trần Quang A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đặng Thị M ly hôn anh Trần Kim T.
2. Về con chung: Giao con chung là Trần Quang A, sinh ngày 10/11/2007 cho chị Đặng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18. Anh Trần Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.
3. Án phí: Chị Đặng Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2018/0002732 ngày 14 tháng 7 năm 2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- UBND TT Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy